TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 10 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Tuyết Kha**

2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh Nh,** sinh năm 1989**;** Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Trần Quốc H,** sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Nh trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện sống chung từ năm 2014, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2014. Vợ

chồng chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay do vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trần Quốc H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nh tự nguyện sống chung từ năm 2014, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2014. Vợ chồng anh đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay do chị Nh đi đâu anh không liên lạc được. Nay chị Nh yêu cầu được ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và muốn hàn gắn hôn nhân. Nếu chị Nh cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì anh không muốn làm khổ chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán thực hiện chưa đúng khoản 3 Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh H; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa chấp H khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị Nh và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Nh và anh H là hợp pháp. Chị Nh không còn tình cảm với anh H, đã ly thân từ năm 2016 đến, nay chị Nh cương quyết ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Nh được ly hôn với anh H.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, đây là tranh chấp ly hôn, anh H đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án

nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh H tự nguyện sống chung từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh H là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị Nh và anh H đã ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng hai bên không có H động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, trong khi đó việc hai bên đã ly thân trong một thời gian dài là thực tế có xảy ra. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Nh và anh H không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có H động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2019 anh Nh trình bày nếu chị Nh cương quyết ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị Nh và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị Nh và anh H xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị Nh và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh Nh được ly hôn với anh Trần Quốc H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thanh Nh và anh Trần Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thanh Nh và anh Trần Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ. Chị Nh đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004288 ngày 02/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trần Quốc H không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly